

Số **4214** /QĐ-UBND

Nghệ An, ngày **13** tháng 9 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

V/v Phê duyệt điều chỉnh nội dung Quyết định số 3135/QĐ-UBND ngày 17/8/2012 và Quyết định số 4235/QĐ-UBND ngày 01/9/2016 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt dự án đầu tư “Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ Nghệ An (JICA2)” vay vốn ODA của Chính phủ Nhật Bản

ỦY BAN NHÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 1291/QĐ-BNN-KH ngày 31/5/2012 của Bộ Nông nghiệp và PTNT, về việc phê duyệt kế hoạch vốn đầu tư tổng thể dự án phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ, vay vốn ODA của Chính phủ Nhật Bản;

Căn cứ các Quyết định của Bộ Nông nghiệp và PTNT: Số 319/QĐ-BNN-HTQT ngày 22/02/2012 về việc Phê duyệt dự án đầu tư Dự án Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ - Dự án JICA2, vay vốn ODA của Chính phủ Nhật Bản và Số 2532/QĐ-BNN-HTQT ngày 24/6/2016 phê duyệt điều chỉnh nội dung Quyết định số 319/QĐ-BNN-HTQT ngày 22/02/2012;

Căn cứ Hiệp định vay vốn số VN11-P9 ký ngày 30/3/2012 về Dự án “Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ” giữa Chính phủ Nhật Bản và Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Nghệ An: Số 3135/QĐ-UBND ngày 17/8/2012 về việc phê duyệt dự án đầu tư “Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ Nghệ An”, vay vốn ODA của Chính phủ Nhật Bản và Số 4235/QĐ-UBND ngày 01/9/2016 về việc phê duyệt điều chỉnh cơ cấu tổng mức đầu tư Dự án “Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ Nghệ An (JICA2)” tại Quyết định số 3135/QĐ-UBND ngày 17/8/2012 của UBND tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Công thư 2016/HAN(IA)-270 ngày 07/4/2017 của Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA) tại Việt Nam không phản đối về việc mở rộng vùng mục tiêu mới và sửa đổi bổ sung kế hoạch thực hiện thuộc dự án Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ;

Căn cứ Quyết định số 3251/QĐ-BNN-HTQT ngày 01/8/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung nội dung Quyết định số 2532/QĐ-BNN-HTQT ngày 24/6/2016 về việc Phê duyệt điều chỉnh nội dung Quyết định số 319/QĐ-BNN-HTQT ngày 22/02/2012 của Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt dự án “Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ” – Dự án JICA2;

Căn cứ Quyết định số 3400/QĐ-BNN-KH ngày 17/8/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung nội dung Quyết định số 1291/QĐ-BNN-KH ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt Kế hoạch tổng thể dự án “Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ” (gọi tắt là dự án JICA2), vay vốn ODA của Chính phủ Nhật Bản;

Căn cứ Quyết định số 3657/QĐ-BNN-KH ngày 11/9/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Phê duyệt điều chỉnh Phụ lục Quyết định số 3400/QĐ-BNN-KH ngày 17/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về điều chỉnh Kế hoạch tổng thể dự án “Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ” vay vốn ODA của Chính phủ Nhật Bản;

Xét đề nghị tại Công văn số 81/JICA2 ngày 23/8/2017 của Ban quản lý dự án JICA2 và Công văn số 2233/SNN-KHTC ngày 08/9/2017 của Sở Nông nghiệp & PTNT về việc điều chỉnh nội dung Quyết định Phê duyệt dự án đầu tư “Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ Nghệ An”,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung nội dung Quyết định số 3135/QĐ-UBND ngày 17/8/2012 và Quyết định số 4235/QĐ-UBND ngày 01/9/2016 của UBND tỉnh Nghệ An về việc Phê duyệt dự án đầu tư “Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ Nghệ An” vay vốn ODA của Chính phủ Nhật Bản, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh điểm b, khoản 5, Điều 1, Quyết định 3135/QĐ-UBND ngày 17/8/2012 của UBND tỉnh Nghệ An

“b. Quy mô dự án:

- Rà phá bom mìn và tẩy rửa chất độc hóa học trên phạm vi 760 ha;
- Phát triển và cải thiện rừng phòng hộ 3.103 ha gồm: Trồng rừng mới 863 ha, Nâng cấp rừng trồng hiện có 240 ha, Khoanh nuôi tái sinh tự nhiên 2.000 ha;
- Phát triển cơ sở hạ tầng sinh kế: Đường bê tông nông thôn 9km, Hệ thống thủy lợi 30ha;
- Phát triển cơ sở hạ tầng lâm sinh gồm: Đường lâm nghiệp 38km, Chòi canh lửa 1 chòi; Trạm bảo vệ rừng 3 trạm; Bảng thông tin tuyên truyền 3 bảng; Vườn ươm 3 vườn;
- Kiểm soát phòng chống cháy rừng gồm: Mua sắm thiết bị Phòng cháy chữa cháy 1 bộ; Mua sắm xe ô tô Pick up 1 xe; Mua sắm xe máy 6 xe; Đào tạo tập huấn PCCC 1 gói thầu;
- Hỗ trợ phát triển sinh kế và Hỗ trợ khắc phục thiệt hại do thiên tai.”

2. Điều chỉnh khoản 8, Điều 1, Quyết định 3135/QĐ-UBND ngày 17/8/2012 và Điều 1, Quyết định số 4235/QĐ-UBND ngày 01/9/2016 của UBND tỉnh Nghệ An

“8. Vốn đầu tư:

- a. Tổng vốn đầu tư của dự án: 709 triệu Yên Nhật tương đương 134.415 triệu VNĐ. Trong đó:

- Nguồn vốn vay (ODA): 586 triệu Yên Nhật, tương đương 111.077 triệu VNĐ;
- Nguồn vốn đối ứng của Tỉnh: 123 triệu Yên Nhật, tương đương 23.338 triệu VNĐ.

(Tỷ giá tính theo kết quả đã giải ngân thực tế của JICA từ năm 2013-2016 và giải ngân vốn JICA còn lại từ 2017-2021 là 1JPY= 190 VNĐ).

b. Tổng mức đầu tư phân bổ cho các hợp phần thuộc tiểu dự án tỉnh Nghệ An (Kế hoạch vốn đầu tư tổng thể của Ban quản lý dự án tỉnh Nghệ An)."

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Các nội dung khác được phê duyệt tại Quyết định 3135/QĐ-UBND ngày 17/8/2012 của UBND tỉnh Nghệ An được giữ nguyên, không thay đổi.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở: Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Ban quản lý Dự án Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ tỉnh Nghệ An; Thủ trưởng các ngành, các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Ban QLDALN TW (để b/c);
- PCT UBND tỉnh Đinh Viết Hồng;
- VPUBND tỉnh:
- + PVPTC;
- + Trung tâm tin học – Công báo;
- + Lưu: VTUB, NN (A Danh Hùng).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đinh Viết Hồng

PHỤ LỤC KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TỔNG THE ĐIỀU CHỈNH CỦA BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN TỈNH NGHỆ AN
Dự án: Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ Nghệ An vay vốn ODA của Chính phủ Nhật Bản
 (Kèm theo Quyết định số 4214/QĐ-UBND ngày 13 tháng 9 năm 2017 của UBND tỉnh Nghệ An)



STT	Hợp phần	Đơn vị tính	Theo Quyết định 3135/QĐ-UBND ngày 17/8/2012						Kế hoạch tổng thể điều chỉnh					
			Nguồn vốn (triệu yên)			Quy ra VND (triệu đồng)			Nguồn vốn (triệu yên)			Quy ra VND (triệu đồng)		
			Khoi lượng	Tổng số	Vốn đối ứng	Khoi lượng	Tổng số	Vốn đối ứng	Khoi lượng	Tổng số	Vốn đối ứng	Khoi lượng	Tổng số	Vốn đối ứng
1	Rà phá bom mìn và tẩy rửa chất độc hoá học	Ha	2.300	22	22	6.049	58.030	6.049	760	94	94	18.057	42.278	18.057
2	Phát triển rừng phòng hộ			215	215		58.030			221	221		42.278	
2.1	Tổng rừng mới	Ha	2.300	179	179	48.359	48.359		863	134	134	25.863	25.863	
2.2	Năng cấp rừng trồng hiện có	Ha	700	36	36	9.671	9.671		240	25	25	4.735	4.735	
2.3	Bảo vệ rừng	Ha												
2.4	Khoanh nuôi cơ trồng bổ sung/làm giàu rừng	Ha												
2.5	Khoanh nuôi tái sinh tự nhiên	Ha												
3	Hỗ trợ phát triển sinh kế			22	22		5.984		2.000	61	61	11.680	11.680	
3.1	Gói đầu số 1	Gói	1							30	30	5.967	5.967	
3.2	Gói đầu số 2	Gói	1						1	2	2	434	434	
4	Phát triển cơ sở hạ tầng sinh kế			42	42		11.317			96	96	17.613	17.613	
4.1	Đường bê tông nông thôn	Km	9						9	86	86	15.526	15.526	
4.2	Hệ thống thủy lợi	Ha	30						30	10	10	2.087	2.087	
4.3	Hệ thống cấp nước sạch	HT								-	-			
5	Phát triển cơ sở hạ tầng lâm sinh			36	36		9.708			84	84	15.298	15.298	
5.1	Đường làm nghiệp	Km	38						38	74	74	13.538	13.538	
5.2	Đường ranh cản lửa	Km												
5.3	Chòi canh lửa		1						1	0,5	0,5	93	93	
5.4	Trạm bảo vệ rừng	Trạm	3						3	6,2	6,2	1.149	1.149	
5.5	Bảng thông tin tuyên truyền	Bảng	3						3	0,2	0,2	33	33	
5.6	Vườn ươm	Vườn	3						3	2,6	2,6	485	485	

Kế hoạch tổng thể điều chỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN